

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103010609 do Sở KHĐT TP.HCM cấp
đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/04/2009)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy đăng ký giao dịch số: 550/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
cấp ngày 24 tháng 06 năm 2010)

Bản Công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Địa chỉ : KP.1 Nguyễn Văn Quỳ, Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

ĐT: (84.8) 3873 3666 – 3873 1149 – 3873 3259 - Fax : (84.8) 3873 3391

Website: www.spchcmc.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Địa chỉ : Tầng 1 – 2 – 3 – 4 Toà nhà VietDragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Q.1, TP.HCM

ĐT: (84.8) 6299 2006 - Fax : (84.8) 6291 7986

Website: www.vdsc.com.vn - Email: vdsc@vdsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên : Ông Trương Huy Hoàng Tam Dũng, Chức vụ : Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103010609 do Sở KHĐT TP.HCM cấp
đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/04/2009)



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
Mệnh giá	: 10.000 đồng/CP
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
Tổng số lượng đăng ký giao dịch	: 8.100.000 cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký giao dịch	: 81.000.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ đồng)

TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT (VDSC)

Địa chỉ: Tầng 1 – 2 – 3 – 4 Toà nhà VietDragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Q.1, TP.HCM

ĐT: (84.8) 6299 2006

- Fax: (84.8) 6291 7986

Website: www.vdsc.com.vn

- Email: vdsc@vdsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC (AISC)

Trụ sở: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp.HCM

ĐT: (84.8) 3930 5163

- Fax: (84.8) 3930 4281

Website: www.aisc.com.vn

- Email: aisc@aisc.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	Rủi ro về kinh tế	5
2.	Rủi ro về pháp luật	5
3.	Rủi ro từ hoạt động kinh doanh	5
4.	Rủi ro khác.....	6
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	6
1.	Tổ chức phát hành	6
2.	Tổ chức cam kết hỗ trợ.....	6
III.	CÁC KHÁI NIỆM	7
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	8
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	8
2.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty	10
3.	Cơ cấu cổ đông của Công ty	17
4.	Danh sách những công ty con của SPC, công ty liên doanh liên kết với SPC tính đến thời điểm 30/09/2009.....	17
5.	Hoạt động kinh doanh	19
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất	24
7.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	26
8.	Chính sách đối với người lao động	26
9.	Chính sách cổ tức	28
10.	Tình hình tài chính	28
11.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	32
12.	Tài sản	43
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2009 - 2011	44
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	48
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	49
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	49
V.	CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	49

1. Loại cổ phiếu : cổ phiếu phổ thông.....	49
2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu	49
3. Tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch : 8.100.000 cổ phiếu	49
4. Phương pháp tính giá.....	49
5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	49
6. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	50
7. Các loại thuế có liên quan	50
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	50
VII. PHỤ LỤC	51
VIII. CHỮ KÝ	51

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Vừa qua kinh tế thế giới đã đối mặt với cuộc khủng hoảng kinh tế lớn. Nhiều tập đoàn, tổ chức kinh tế hàng đầu thế giới đã không vượt qua được cuộc khủng hoảng này và đi đến phá sản. Chính phủ các nước phát triển đã tổ chức nhiều cuộc họp về các chính sách giải quyết khủng hoảng. Kinh tế Việt Nam cũng đối mặt với nhiều khó khăn như lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng chậm lại trong năm 2008 và nửa đầu năm 2009. Chính phủ Việt Nam phải can thiệp để ngăn chặn sự xuống dốc của nền kinh tế đang tăng trưởng cao bằng hàng loạt các chính sách tài chính như hỗ trợ lãi suất, các gói chính sách kích cầu... Trước những nỗ lực đó, kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã vượt qua đáy của khủng hoảng và dần phục hồi vào cuối năm 2009. Các tổ chức quốc tế, các chuyên gia đều dự đoán sự phục hồi sẽ còn tốt hơn trong năm 2010.

Rủi ro về kinh tế, cụ thể là tốc độ tăng trưởng kinh tế có tác động đến mọi thành phần xã hội. Trong đó ngành nông nghiệp mặc dù là một ngành thiết yếu, luôn chiếm một tỷ trọng nhất định trong cơ cấu kinh tế, nhưng cũng sẽ chịu tác động tiêu cực nếu tốc độ tăng trưởng kinh tế không đạt kỳ vọng.

2. Rủi ro về pháp luật

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán,... bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung, chậm ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán, các loại thuế...có ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

Ngoài ra Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn còn chịu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật liên quan đến nông nghiệp bởi đây là lĩnh vực hoạt động chính của công ty. Do đó những chính sách của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực này đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

3. Rủi ro từ hoạt động kinh doanh

Bên cạnh những rủi ro khách quan, có tính hệ thống, những rủi ro xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Đầu tiên phải tính đến rủi ro về chi phí cho nguyên vật liệu và nhân công, rủi ro ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến doanh thu và lợi nhuận. Để hạn chế được những rủi ro này hoặc giảm thiểu tác động của những rủi ro này đến kết quả hoạt động của mình, Công ty luôn đề ra kế

hoạch về các loại chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình. Đồng thời những chi phí phát sinh có tính bất thường hay đột biến đều có sự kiểm tra, kiểm soát của lãnh đạo công ty.

Kể đến là những rủi ro về kết quả kinh doanh của các công ty mà Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đầu tư góp vốn. Các doanh nghiệp này hoạt động tốt sẽ mang về lợi nhuận cho Công ty, ngược lại Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn sẽ phải chịu chi phí cho kết quả kinh doanh không tốt của các đơn vị này. Ngoài ra những rủi ro về lãi suất hay rủi ro về chính sách tiền tệ cũng ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro khác

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, thiên tai như động đất, lũ lụt,...khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người đồng nghĩa với tình hình hoạt động chung của công ty sẽ gặp nhiều khó khăn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

- Ông Trương Huy Hoàng Tam Dũng - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh - Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh - Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông Điều Quang Trung - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Theo đó nhà đầu tư có thể hiểu, phân tích tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh trong quá khứ cũng như triển vọng của Công ty trong tương lai.

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

- Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Minh Nhật - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- **Bản công bố thông tin:** Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
- **Cổ phần:** Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- **Cổ phiếu:** Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
- **Cổ đông:** Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
- **Cổ tức:** Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
- **Tổ chức đăng ký giao dịch:** Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (SPC)
- **Tổ chức cam kết hỗ trợ:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC)
- **Tổ chức kiểm toán:** Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học (AISC)

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin có nội dung như sau:

- **SPC** Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- **VDSC** Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
- **AISC** Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học
- **HASTC** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- **ĐHĐCĐ** Đại hội đồng cổ đông
- **HĐQT** Hội đồng quản trị
- **BKS** Ban Kiểm soát
- **BGD** Ban Giám đốc
- **CBCNV** Cán bộ công nhân viên
- **TCT** Tổng Công ty
- **CTCP** Công ty Cổ phần
- **TNHH** Trách nhiệm Hữu hạn
- **NN&PTNT** Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- **BHXH** Bảo hiểm xã hội
- **BHYT** Bảo hiểm y tế
- **TP.HCM** Thành phố Hồ Chí Minh
- **BVTV** Bảo vệ thực vật
- **CNTT** Công nghệ thông tin

- **LNTT** Lợi nhuận trước thuế
- **LNST** Lợi nhuận sau thuế
- **TNDN** Thu nhập doanh nghiệp
- **GTGT** Giá trị gia tăng
- **QSĐĐ** Quyền sử dụng đất
- **SC** Thuốc BVTV dạng huyền phù (Suspension Concentrate)
- **WDG** Thuốc BVTV dạng hạt cốm siêu mịn (Water Dispersible Granule)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về Công ty

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**
- Tên giao dịch đối ngoại : **SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **SPC**
- Trụ sở chính : KP 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM
- Số điện thoại : (84.8) 3873 3666 - (84.8) 3873 3295
- Số fax : (84.8) 3873 3391 - (84.8) 3873 3003
- Website : www.spchcm.com.vn
- Tài khoản : 1700.311.00.100.220 tại Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh TP.HCM
- Mã số thuế : 0300632232
- Vốn điều lệ : 81.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010609 do Sở KHĐT TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/04/2009
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sản xuất, gia công, mua bán phân bón, giống cây trồng;
 - + Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV;
 - + Sản xuất, mua bán thuốc thú y thủy sản; Kinh doanh thuốc thú y;
 - + Mua bán, gia công, chế biến nông sản;
 - + Mua bán bình xịt thuốc và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất ngành công nông nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
 - + Dịch vụ tư vấn về trồng trọt;
 - + Dịch vụ xông hơi khử trùng;
 - + Dịch vụ xử lý chất thải, phân tích mẫu hóa chất;
 - + Đầu tư nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp và kỹ thuật phát triển máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp;

- + Kinh doanh lĩnh vực nội địa và quốc tế; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng ăn uống (không hoạt động khách sạn, nhà hàng tại trụ sở);
- + Đại lý kinh doanh xăng dầu.
- + Hoạt động của câu lạc bộ thể thao;
- + Hoạt động tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- + Quảng cáo;
- + Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- + Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- + Sách báo tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm; vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- + Kinh doanh bất động sản;

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 17/05/1989 Nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn trực thuộc Chi cục BVTV TP.HCM được thành lập theo quyết định số 369/NN/QĐ của Sở NN&PTNT TP.HCM.



Nhà máy hoạt động dưới hình thức báo sổ cho Chi cục Thực vật TP.HCM. Tuy hoạt động trực thuộc Chi cục BVTV TP.HCM và chỉ mới sản xuất vài loại thuốc theo quy trình công nghệ của công ty Rhone Poulenc, nhưng do nhu cầu thị trường tăng nhanh nên sản phẩm của nhà máy sản xuất ra được tiêu thụ mạnh, nhà máy hoạt động mang lại hiệu quả cao.

Do đó, ngày 18/02/1993, thực hiện quyết định số 68/QĐ-UB của UBND TP.HCM, theo quy định 388/CP của Chính phủ, nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn chuyển thành Xí nghiệp thuốc trừ sâu Sài Gòn. Xí nghiệp bắt đầu hoạt động như một đơn vị kinh tế hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và tách khỏi Chi cục BVTV TP.HCM.

Sau một năm đi vào hoạt động ổn định và kinh doanh có hiệu quả, sản phẩm của Xí nghiệp ngày càng mở rộng thị phần, đòi hỏi Xí nghiệp phải có một sự đầu tư phát triển tốt hơn. Với những điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng quy mô sản xuất, Xí nghiệp đã cải tiến quy trình công nghệ, đa dạng hoá sản phẩm nâng cao trình độ kinh tế kỹ thuật của CB-CNV. Ngày 22/04/1994, theo quyết định số 1177/QĐ-UB-NC của UBND TP.HCM, Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn chính thức trở

thành Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Năm 1997, Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn là đơn vị thành viên trực thuộc TCT Nông nghiệp Sài Gòn.

Đến ngày 30/06/2004, theo quyết định số 3131/QĐ-UB của UBND TP.HCM. Công ty Thuốc Trừ Sâu Sài Gòn đổi tên thành: Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn.

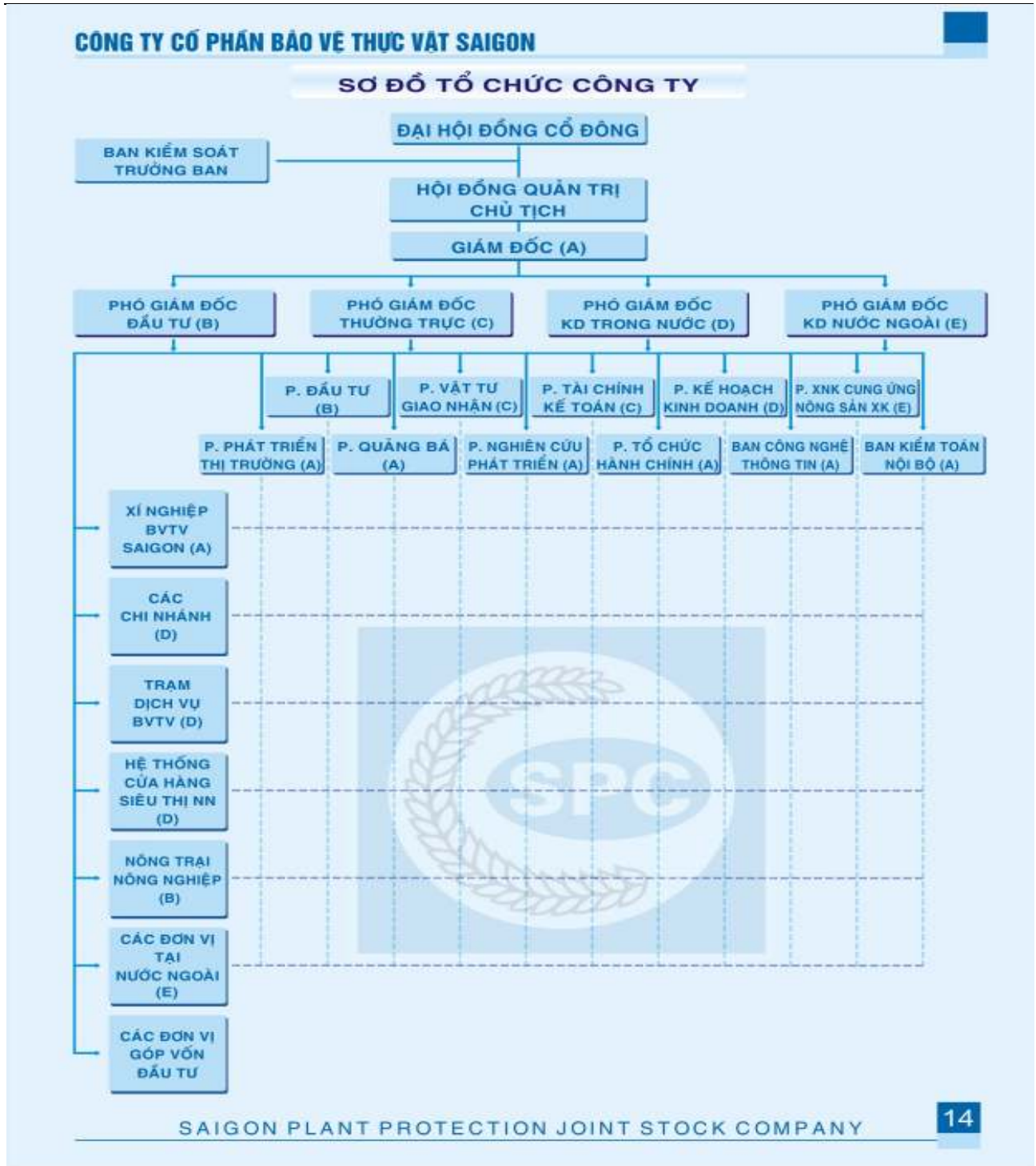
Căn cứ Quyết định số 5698/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 và 3658/QĐ-UBND ngày 25/08/2009 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn thành CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.



Ngày 09/6/2008, Đại hội cổ đông lần đầu của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được tổ chức thông qua điều lệ tổ chức hoạt động, bầu HĐQT, BKS và thông qua phương án hoạt động kinh doanh 03 năm của Công ty. SPC chính thức hoạt động theo mô hình mới kể từ ngày 14/06/2008 căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 14/06/2008.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty



- **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

- **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT công ty có 05 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm.

- **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành của công ty, kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Ban Kiểm soát công ty có 03 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT.

- **Ban Giám đốc**

Cơ cấu Ban giám đốc công ty gồm có 5 thành viên, trong đó:

- ✓ Giám đốc điều hành do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- ✓ Phó Giám đốc thường trực: Tham mưu cho Giám đốc về các vấn đề tài chính kế toán, giúp Giám đốc quản trị bộ máy tài chính công ty.
- ✓ Phó Giám đốc kinh doanh trong nước: Tham mưu cho Giám đốc về chiến lược kinh doanh thị trường trong nước.
- ✓ Phó Giám đốc kinh doanh nước ngoài : Tham mưu cho Giám đốc về chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu.
- ✓ Phó Giám đốc đầu tư: Tham mưu cho Giám đốc về kế hoạch cũng như chiến lược đầu tư mở rộng quy mô và hoạt động của công ty.

- **Chức năng các phòng ban thuộc công ty**

- ✓ **Phòng Tổ chức hành chính**
 - Xác định và xây dựng các tiêu chuẩn chức danh trong Công ty. Xây dựng nội quy, thể chế, chế độ công tác của các bộ phận trong Công ty.
 - Xây dựng các định mức lao động, nghiên cứu chế độ tiền lương, tiền thưởng, bồi dưỡng độc hại, lập kế hoạch nâng lương, tiền thưởng cho CBCNV.
 - Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCNV để nâng cao tay nghề, năng xuất lao động.
 - Lập kế hoạch duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa định kỳ cũng như dự trù kinh phí để bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa và mua sắm các loại phương tiện, thiết bị dụng cụ và tài sản cố định thuộc khối văn phòng.
 - Quản lý nhân sự như lập hồ sơ theo hợp đồng lao động, xây dựng quy chế tuyển dụng, thực hiện chế độ BHXH, BHYT, chế độ phép, thôi việc, kỷ luật...hồ sơ lý lịch và giấy tờ văn thư. Tổ chức thực hiện công tác lễ tân, tổ chức hội nghị, liên hoan,...

✓ **Phòng Nghiên cứu Phát triển**

- Xây dựng các chuẩn mực, các quy trình trong công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.
- Công tác nghiên cứu bao gồm cả việc cải tiến sản phẩm cũ như nghiên cứu các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh trong ngành.
- Thực hiện công tác đăng ký sản phẩm với cơ quan hữu quan theo qui định.
- Tham mưu cho Giám đốc các vấn đề liên quan đến công tác nghiên cứu-phát triển.

✓ **Phòng Quảng bá**

- Xây dựng và thực hiện các chiến lược quảng bá thương hiệu và hình ảnh của Công ty. Nâng cao vị thế và uy tín của Công ty trên thị trường trong và ngoài nước.
- Hướng dẫn kỹ thuật cây trồng, đặc điểm thời vụ, dịch hại đối với khách hàng nội bộ (Nhân viên kinh doanh tại các Chi nhánh).
- Tham mưu cho Giám đốc trong công tác xây dựng chiến lược quảng bá sản phẩm.

✓ **Phòng Phát triển thị trường**

- Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm mới và sản phẩm chủ lực.
- Quản lý và phát triển hệ thống phân phối.
- Thu thập thông tin thị trường, đánh giá năng lực của các đối thủ cạnh tranh.
- Xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình khuyến mãi nhằm nâng cao doanh số bán hàng.
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác phát triển thị trường.

✓ **Phòng Tài chính Kế toán**

- Tham mưu cho Giám đốc thực hiện chức năng quản lý tài chính, tổ chức lập kế hoạch và thực hiện các chỉ tiêu về tài chính – kế toán, tổ chức phổ biến và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thi hành kịp thời các qui định về tài chính – kế toán của Nhà nước và cấp trên.
- Quan hệ với ngân hàng, cơ quan thuế và các cơ quan hữu quan để thực hiện công tác tài chính – kế toán theo qui định của pháp luật.
- Quản lý tài sản, tiền vốn, hàng hoá, kinh phí và các quỹ, tổng kết thu – chi tài chính, báo cáo quyết toán, kiểm tra thường xuyên hoạt động kế toán của các bộ phận, nắm bắt tình hình kinh doanh của Công ty từ đó lập kế hoạch tài chính và cung cấp thông tin cho các bộ phận trong và ngoài Công ty.
- Tổ chức thanh toán mua bán hàng hóa nhanh chóng và thu hồi công nợ, tăng nhanh vòng quay vốn, tránh tình trạng vốn bị chiếm dụng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, bảo mật các số liệu.
- Thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng qui định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

✓ **Phòng Kế hoạch kinh doanh**

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh toàn công ty. Theo dõi việc thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Xây dựng và thực hiện chính sách giá, chiết khấu cho các sản phẩm theo kế hoạch.
- Trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh của khối Công ty, Nông trường.
- Quản lý hoạt động kinh doanh của hệ thống Siêu thị Nông nghiệp Sài Gòn.
- Đề xuất các biện pháp để cải tiến quy trình hoạt động để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc xử lý các tình huống phát sinh của thị trường nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch kinh doanh của công ty.

✓ **Phòng Đầu tư**

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược đầu tư, tìm kiếm cơ hội đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.

Xây dựng, quản lý, triển khai thực hiện các dự án đầu tư.

Tham mưu cho Giám đốc trong lãnh vực đầu tư ra ngoài Công ty.

✓ **Phòng Xuất nhập khẩu**

Thực hiện các nghiệp vụ liên quan về công tác nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị và xuất khẩu sản phẩm thuốc BVTV theo kế hoạch của Công ty.

Tìm hiểu và phát triển thị trường cung ứng sản phẩm thuốc BVTV của Công ty, nông sản tại nước ngoài.

Cung ứng hàng nông sản xuất khẩu cho thị trường nước ngoài.

✓ **Phòng Vật tư - Giao nhận**

- Cung ứng vật tư, hàng hóa cho nhu cầu sản xuất kinh doanh theo kế hoạch hàng năm của Công ty.
- Xem xét đánh giá nhà cung ứng hàng hóa, vật tư, bao bì, máy móc thiết bị có uy tín đảm bảo chất lượng.
- Điều hành công tác vận chuyển hàng hóa đến khách hàng, đơn vị trực thuộc.
- Thực hiện công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng phương tiện vận chuyển.
- Tham mưu cho BGĐ trong hoạt động cung ứng vật tư - vận chuyển hàng hóa.

✓ **Ban Công nghệ Thông tin**

- Ứng dụng CNTT và truyền thông vào hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo hệ thống CNTT và truyền thông hoạt động liên tục và ổn định, an toàn dữ liệu, cung cấp thông tin nhanh chóng kịp thời.

- Thiết kế kiểu dáng và hình ảnh sản phẩm mang tính chung và đặc thù của SPC, góp phần quảng bá xây dựng hình ảnh, thương hiệu công ty rộng rãi ra thị trường trong và ngoài nước.
- Tham mưu cho BGD về lãnh vực CNTT.
- ✓ **Ban Kiểm toán nội bộ**
 - Xây dựng các quy trình giám sát các Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc về công tác quản lý tài chính. Phát hiện và ngăn ngừa các rủi ro thất thoát về tài chính.
 - Kiểm soát tính trung thực hợp lý của các báo cáo tài chính các đơn vị trực thuộc, tính tuân thủ của các đơn vị trong việc chấp hành chủ trương, chính sách công ty.
 - Báo cáo kịp thời cho Giám đốc phê duyệt và sửa đổi quy trình hoạt động một cách tinh gọn và đạt hiệu quả cao.
 - Tham mưu cho BGD về hoạt động kiểm toán.

Hội sở công ty

- Địa chỉ : KP.1 Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM
- Điện thoại : (84.8) 3873 3666 Fax: (84.8) 3873 3391
- Website : www.spchcm.com.vn

Hội sở công ty điều hành hoạt động chung của toàn Công ty

Xí Nghiệp Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn

- Địa chỉ : Lô C1 – C3 KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp.HCM
- Điện thoại : (84.8) 3873 4089 Fax: (84.8) 3873 4090

Trạm Dịch Vụ Bảo Vệ Thực Vật

- Địa chỉ : 22E Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Điện thoại : (84.8) 3510 0591 Fax: (84.8) 3510 4579

Chi nhánh Hà Nội

- Địa chỉ : 123 Trung Kính, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại : (84.4) 3835 3627 Fax: (84.4) 3831 1363

Chi nhánh Nghệ An

- Địa chỉ : 17C đường Mai Hắc Đế, Khối 20, Phường Lê Lợi, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : (84.38) 359 4856 Fax: (84.38) 358 5489

Chi nhánh Thanh Hoá

- Địa chỉ : 433 Quang trung 2 – Phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại : (84.37) 395 4151 Fax: (84.37) 395 4091

Chi nhánh Đà Nẵng

- Địa chỉ : Quốc lộ 1A, Xã Hoà Châu, Huyện Hoà Vang, Tp.Đà Nẵng
- Điện thoại : (84.511) 368 5577 Fax: (84.511) 368 5515

Chi nhánh Gia Lai

- Địa chỉ : 114B Trường Chinh, Phường Trà Bá, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (84.59) 374 8901 Fax: (84.59) 374 8902

Chi nhánh Đắklăk

- Địa chỉ : Số L12, Đường IBIALEO, Phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắklăk
- Điện thoại : (84.500) 395 8101 Fax: (84.500) 395 8121

Chi nhánh Đức Trọng

- Địa chỉ : 198 Quốc lộ 20, KP6, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Lâm Đồng
- Điện thoại : (84.63) 365 0855 Fax: (84.63) 384 1011

Chi nhánh Lâm Đồng

- Địa chỉ : 204A Mai Anh Đào, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại : (84.63) 224 0991 Fax: (84.63) 355 4452

Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Địa chỉ : Khu phố 6, Lê Hồng Phong, Thị trấn Ngãi Giao, Châu Đức, Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại : (84.64) 396 3056 Fax: (84.64) 396 3057

Chi nhánh Cần Thơ

- Địa chỉ : Lô 30A5 KCN Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Điện thoại : (84.710) 383 5074 Fax: (84.710) 383 1154

Chi nhánh Long An

- Địa chỉ : 130 Bạch Đằng, Thị trấn Mộc Hóa, Huyện Mộc Hoá, Tỉnh Long An
- Điện thoại : (84.72) 384 1301 Fax: (84.72) 384 3411

Chi nhánh Vĩnh Long

- Địa chỉ : 62B Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, Thị xã Vĩnh long, Tỉnh Vĩnh long
- Điện thoại : (84.70) 387 8871 Fax: (84.70) 387 8870

Chi nhánh Đồng Tháp

- Địa chỉ : 161 Quốc Lộ 30, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại : (84.67) 387 2228 Fax: (84.67) 387 4118

Chi nhánh Bạc Liêu

- Địa chỉ : Quốc Lộ 1A, Ấp Trà Bang 1, Xã Châu Hưng A, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu
- Điện thoại : (84.781) 383 1097 Fax: (84.373) 383 1098

Chi nhánh Kiên Giang

- Địa chỉ : 579 Ấp Vĩnh Thành B, Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Huyện Châu Thành – Kiên Giang.
- Điện thoại : (84.77) 392 7754 Fax: (84.77) 392 7756

Chi nhánh Khánh Hòa

- Địa chỉ : Đường 23/10 Xã Diên An, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : (84. 58) 376 0706 Fax: (84.58) 376 0494

Công ty TNHH Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn tại Lào.

- Địa chỉ : Km 8 street 13 - Ban phatthanahoase - Bachieng District - ChamPaSak Province-Lao PRD
- Điện thoại : (00856) 031214308

Công ty CP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn tại Campuchia

- Địa chỉ : Villa No 225GB-Vithya Lay Str., Chrouy Changva ward, Russey Keo District, Phnom Penh City-Cambodia
- Điện thoại : (0085) 023427224 Fax : (0085) 523 427 224

3. Cơ cấu cổ đông của Công ty

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty đến ngày 24/11/2009

Cổ đông	Địa chỉ	SL CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
TCT Nông nghiệp Sài Gòn (Nhà nước)	189 Điện Biên Phủ, Bình Thạnh, Tp.HCM	4.805.400	59,33%

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn ngày 24/11/2009

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tính đến ngày 24/11/2009

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103010609 do Sở KHĐT TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/04/2009, CTCP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn không có cổ đông sáng lập.

3.3 Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 24/11/2009

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu
1	Tổ chức	14	5.555.200	68,58
	- Trong nước:	14	5.555.200	68,58
	- Nước ngoài:	0	0	0
2	Cá nhân	435	2.544.800	31,14
	- Trong nước	432	2.465.500	30,16
	- Nước ngoài:	3	79.300	0,98
	Tổng cộng	449	8.100.000	100

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn ngày 24/11/2009

4. Danh sách những Công ty cổ phần chi phối, công ty con của SPC và công ty liên doanh, liên kết với SPC tính đến thời điểm 31/12/2009.

4.1 Công ty cổ phần chi phối

Cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)
TCT Nông nghiệp Sài Gòn (Nhà nước)	189 Điện Biên Phủ, Bình Thạnh, Tp.HCM	59,33%

Nguồn : Báo cáo tài chính đã kiểm toán 31/12/2009 của SPC

4.2 Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	VĐL (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của SPC (%)	Giá trị đã đầu tư (triệu đồng)
Công ty TNHH Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn tại Lào	Houay Palay, Huyện Ba Chiêng, Tỉnh Champasak, Lào	SXKD chuyên ngành nông, lâm, trồng trọt, chăn nuôi và chế biến sản phẩm đã sản xuất	19.145	100	15.909 (*)
Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn tại Cambodia	#225GB, St. Vithyealay, Chrouychanwa, Russeykeo, Phnom Penh, Cambodia	Kinh doanh XNK hàng hoá các loại và sản phẩm Nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, chế biến sản phẩm nông nghiệp.	5.370	100	642 (**)

Nguồn : Báo cáo tài chính đã kiểm toán 31/12/2009 của SPC

Ghi chú:

- (*) Đến 31/12/2009 Vốn điều lệ thực góp Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn cho Công ty con tại Lào là 15.909 triệu đồng.
- (**) Đến 31/12/2009 Vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn cho Công ty con tại Cambodia là 642 triệu đồng.

4.3 Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	VĐL (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của SPC (%)	Giá trị đã đầu tư (triệu đồng)
Trung tâm dạy nghề Tư thực Sinh	22E Phan Đăng Lưu, P6,	Dạy nghề sinh vật cảnh	400	25	100

vật cảnh	Q.Bình Thạnh, TP.HCM				
CTCP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông (Merat)	161 Quốc lộ 30 P.Mỹ Phú, Tp.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Buôn bán, bán lẻ thuốc BVTV và các hóa chất khác phụ vụ trong ngành nông nghiệp...	40.000	30	7.461(*)
CTCP Thương mại Mộc Hoá	130 Bạch Đằng, Thị trấn Mộc Hoá, Long An	Kinh doanh thương mại dịch vụ: lương thực, thực phẩm, vận chuyển, ăn uống, khách sạn,...	15.966	36	7.510 (**)

Nguồn : Báo cáo tài chính đã kiểm toán 31/12/2009 của SPC

Ghi chú :

- (*) Đến 31/12/2009 Vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Công ty Cổ phần Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông là 7.461 triệu đồng.
- (**) Đến 31/12/2009 Vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn cho Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa là 7.510 triệu đồng.

5 Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu Doanh thu :

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 01/01/08 đến 14/06/2008		Giai đoạn từ 14/06/2008 đến 31/12/2008		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
DT thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	416.338	99,10	303.996	98,65	720.334	197,75	786.977	99,2	161.764	98,70
DT hoạt động tài chính	2.526	0,60	3.357	1,09	5.883	1,69	2.161	0,3	1.409	0,90
Thu nhập khác	1.416	0,30	790	0,26	2.206	0,56	4.131	0,50	696	0,40
Tổng	420.280	100,00	308.143	100%	728.423	200,00	793.269	100,00	163.869	100,00

Nguồn :

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/2008 đến 14/06/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 14/06/2008 đến 31/12/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009
- Báo cáo tài chính Quý 1/2010

Chỉ tiêu Lợi nhuận:

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 01/01/2008 đến 14/06/2008		Giai đoạn từ 14/06/2008 đến 31/12/2008		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.748	5,70	7.332	0,24	31080	8,10	14.290	8,10	5.660	3,40
Lợi nhuận khác	(400)	-	495	0,16	95	0,16	3.155	0,40	622	0,40
Lợi nhuận sau thuế	23.348	5,60	6.839	2,25	30187	7,85	15.462	1,90	5.418	3,30

Nguồn :

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/2008 đến 14/06/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 14/06/2008 đến 31/12/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009
- Báo cáo tài chính Quý 1/2010

5.2 Nguyên vật liệu**a. Nguồn nguyên vật liệu chủ yếu**

STT	CHỦNG LOẠI	NHÀ CUNG CẤP
1	Nguyên liệu thuốc Bảo vệ thực vật	Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ba Lan...
2	Phân bón	Việt Nam, Trung quốc . . .
3	Giống	Mỹ
4	Vật tư bao bì, đóng gói	Việt Nam
5	Dung môi	Việt Nam

b. Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Hầu hết các nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất của công ty đều nhập từ nước ngoài như giống, thuốc bảo vệ thực vật,...chỉ có một số phụ gia mua trong nước như vật tư bao bì đóng gói, dầu khoáng, cát, dung môi...

Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất các sản phẩm nông dược, Công ty luôn xây dựng kế hoạch dự trữ hàng tồn kho với giá vốn thấp, đáp ứng đủ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó Công ty đã có những thỏa thuận ký kết lâu dài với các đối tác nước ngoài để đảm bảo số lượng, giá cả và các chính sách hỗ trợ bán hàng nhằm ổn định các nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Các nhà cung cấp và công ty cũng xây dựng chi tiết tiến độ cung cấp, giao nhận hàng cho từng thời kỳ phù hợp với thời vụ đáp ứng nhu cầu các sản phẩm đầu ra cho thị trường. Để phòng ngừa rủi ro thiếu hàng đối với một số sản phẩm có số lượng kinh doanh lớn, Công ty luôn đàm phán từ hai nhà cung cấp trở lên để giá cả, chất lượng lẫn số lượng luôn được chọn ở phương án tối ưu.

Đối với hàng hóa vật tư mua trong nước, căn cứ kế hoạch kinh doanh, kế hoạch sản xuất, Công ty cũng tiến hành đàm phán ngay từ đầu niên vụ và có sự điều chỉnh hàng quý để vừa đảm bảo tiến

độ giao nhận và thanh toán kịp thời đồng bộ với hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu, vừa đảm bảo đồng vốn đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Nguồn cung cấp cho Công ty luôn đạt chất lượng và sự ổn định cần thiết cho hoạt động sản xuất của Công ty. Tuy nhiên giá cả nguồn nguyên liệu đầu vào này phụ thuộc nhiều vào biến động giá cả của thế giới.

5.3 Chi phí sản xuất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 01/01/2008 đến 14/06/2008	Giai đoạn từ 14/06/2008 đến 31/12/2008	Năm 2008	Năm 2009	Quý 1/2010
Chi phí NVL trực tiếp	403.686	208.208	611.894	628.845	120.049
Chi phí nhân công trực tiếp	42.541	31.304	73.845	35.977	246
Chi phí sản xuất chung	8.654	8.851	17.505	15.415	3.056
Tổng	454.881	248.363	703.244	680.237	123.351

Nguồn :

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/2008 đến 14/06/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 14/06/2008 đến 31/12/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009
- Báo cáo tài chính Quý 1/2010

5.4 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị tính : triệu đồng

Yếu tố	Giai đoạn từ 01/01/2008 đến 14/06/2008		Giai đoạn từ 14/06/2008 đến 31/12 /2008		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
Giá vốn hàng bán	299.344	71,90	222.550	73,21	521.894	145,11	626.738	78,18	111.679	67,38
Chi phí bán hàng	71.341	17,14	45.857	15,08	117.198	32,22	91.783	11,45	28.556	17,23
Chi phí QLDN	9.640	2,32	10.402	3,42	11.366	5,74	23.346	2,91	5.360	3,23
Chi phí tài chính	13.910	3,34	21.212	6,98	22.603	10,32	32.981	4,11	11.918	7,19
Tổng	394.235	94,69	300.021	98,69	673.061	193,39	774.848	96,66	157.513	95,03

Nguồn :

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/2008 đến 14/06/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 14/06/2008 đến 31/12/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009
- Báo cáo tài chính Quý 1/2010

Chi phí tài chính 2009 giảm tương đối so với 2008. Chiếm tỷ trọng lớn là khoản lỗ từ chênh lệch tỷ giá, đây là hậu quả ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, tỷ giá đồng đôla Mỹ tại Việt Nam biến động liên tục không lường. Bên cạnh đó cũng là nguyên nhân từ sự chủ quan, dự đoán thiếu chính xác của Công ty là đã nhập một số lượng hàng dự trữ cho sản xuất đã làm chi phí tài chính tăng cao bất thường.

5.5 Trình độ công nghệ

Trong những năm qua Công ty đã tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

- Trang thiết bị phục vụ vi tính hóa toàn bộ nghiệp vụ quản lý văn phòng, thông tin mạng góp phần tăng năng suất và hiệu quả làm việc của CBCNV.
- Xây dựng mới Website quảng bá thương hiệu; Hoàn chỉnh hệ thống Email riêng của SPC; Xây dựng hệ thống truyền nhận file (FTP Server); Xây dựng các phần mềm để phục vụ công tác quản lý toàn công ty.
- Đổi mới trang thiết bị sản xuất và ổn định toàn bộ hoạt động sản xuất của Xí nghiệp BVTV Sài Gòn tại Hiệp Phước để tăng cường năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong mọi thời điểm. Trước mắt trong năm 2009, đầu tư đổi mới trang thiết bị cho Xí nghiệp BVTV Sài Gòn tại Hiệp Phước như dây chuyền thuốc hạt để thay thế và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời là đầu tư hệ thống máy đóng gói nhỏ để phát triển sản phẩm cho thị trường phía Bắc.

Quan trọng hơn, Công ty đã lập kế hoạch đầu tư trong giai đoạn mới đồng bộ với gia tăng hiệu quả kinh doanh để sẵn sàng nắm bắt cơ hội khi nền kinh tế thế giới và Việt Nam phục hồi.

5.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty đang từng bước đổi mới công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cải tiến phương thức sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Song song, Công ty đã đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất thuốc BVTV tiên tiến trên thế giới để sản xuất sản phẩm mới dạng SC, WDG. Các sản phẩm này đã bước đầu chiếm lĩnh thị trường, nâng cao thương hiệu sản phẩm, nhằm từng bước hướng đến tầm nhìn của Công ty đến năm 2020 là “Trở thành tập đoàn dịch vụ nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu - Nơi tiên phong ứng dụng các phát minh và công nghệ mới” và hoàn thành sứ mạng của Công ty là “Cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững”.

5.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Bộ phận kiểm tra chất lượng với nhiệm vụ đảm bảo chất lượng sản phẩm thông qua hệ thống kiểm soát bằng biểu đồ kiểm soát 3-SIGMA, sản phẩm của Công ty luôn được kiểm tra phân tích trước khi xuất xưởng.

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: Theo TCVN ISO 9001:2000 và ISO / IEC 17025:2005

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty: Thuộc Phòng Tổ Chức Hành Chánh trực tiếp kiểm tra và giám sát hệ thống dưới sự chỉ đạo của Đại Diện Lãnh Đạo và các đánh giá viên nội bộ được đào tạo thường xuyên và chuyên nghiệp. Tổ chức đánh giá nội bộ : 2 lần/năm và năm 2008 đánh giá mở rộng đến 15 Chi Nhánh trong nước nhằm hoàn thiện hệ thống Quản lý Chất lượng toàn Công ty.

5.8 Hoạt động Marketing

Củng cố hệ thống phân phối gồm các khách hàng, đại lý, cửa hàng nhằm giữ vững thị trường hiện có. Các chính sách tín dụng bán hàng, chương trình và kế hoạch chiết khấu, khuyến mãi, được xây dựng tiếp thị đến từng khách hàng ngay từ đầu niên vụ để thỏa mãn nhu cầu khách hàng, tạo niềm tin gắn bó khách hàng, đại lý với SPC.

Tiếp tục phát triển hệ thống cấp 2 và xây dựng hệ thống bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng, nông dân. Trong năm dự kiến sẽ phát triển thí điểm khoảng 50 đại lý SPC bán lẻ và kinh doanh độc quyền hàng hóa của SPC; đây là tiền đề cho bước xâm nhập và mở rộng thị phần SPC vào các vùng miền nông thôn trên cả nước.

Xây dựng chiến lược hệ thống phân phối mang tính chất dài hạn để có định hướng phát triển sản phẩm đến từng đại lý cấp 1, cấp 2, hệ thống bán lẻ... một cách hoàn chỉnh và mang tính chuyên nghiệp nhằm giữ vững và mở rộng thị phần.

Ổn định, củng cố hoạt động mô hình siêu thị nông nghiệp nhằm khuyến khích thương hiệu cũng như tạo hình ảnh chuyên nghiệp cho công ty.

Tiếp tục phát triển và đẩy mạnh mô hình nông dân SPC để hình ảnh SPC đi vào nông dân và trở thành lựa chọn đầu tiên của nông dân.

Để công tác quảng bá trở thành công cụ đắc lực của kinh doanh, chi phí quảng bá phải thực hiện tại đại lý SPC và mang lại lợi ích thiết thực cho người nông dân trực tiếp sử dụng sản phẩm SPC như một hình thức khuyến mãi trực tiếp đối với khách hàng.

5.9 Nhãn hiệu thương mại:

Công ty đã đăng ký và được giấy chứng nhận hơn 100 tên thương mại sản phẩm mà Công ty kinh doanh. Biểu trưng của Công ty hiện tại là :



Ý nghĩa biểu trưng của Công ty từ sự tích bánh chưng bánh dày thời Vua Hùng Vương thứ VI. Với hình vuông và hình tròn biểu tượng cho Đất và Trời. Nhánh lúa biểu tượng nền văn minh lúa nước. 53 hạt lúa vàng tượng trưng 53 tỉnh thành Việt Nam vào năm 1994.

Sâu sắc hơn, biểu trưng của Công ty thể hiện triết lý Phương Đông :

THIÊN THỜI – ĐỊA LỢI – NHÂN HÒA

Với biểu trưng này, chúng tôi muốn thể hiện triết lý phát triển của mình: ***“Thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững”***

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất:

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 01/01/2008 đến 14/06/2008	Giai đoạn từ 14/06/2008 đến 31/12/2008	Năm 2008	Năm 2009	% Tăng giảm 2009/2008	Quý 1/2010
Tổng giá trị tài sản	573.871	483.931	483.931	470.817	(0,03)	586.295
Doanh thu thuần	416.338	303.996	720.334	786.977	0,09	161.764
Lợi nhuận từ SXKD	23.748	7.332	31.080	14.290	(0,54)	5.660
Lợi nhuận khác	(400)	495	95	3.155	32,21	621
Lợi nhuận trước thuế	23.348	7.826	31.174	17.445	(0,44)	6.281
Lợi nhuận sau thuế	23.348	6.839	30.187	15.462	(0,49)	5.418
Tỷ lệ chi trả cổ tức	-	-	6,50%	12,00%	5,50%	-

Nguồn :

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/08 đến 14/06/08
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 14/06/08 đến 31/12/08
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009
- Báo cáo tài chính Quý 1/2010

Năm 2008 được xem là năm khó khăn của Công ty khi vừa thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp vừa chịu sự ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế đã khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều trở ngại.

Đầu năm 2009, khủng hoảng kinh tế đã chạm đáy. Đến nay kinh tế đang dần phục hồi nhưng dưới tác động dư âm của nó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2009 vẫn gặp ít nhiều khó khăn. Bên cạnh đó sự đầu tư cơ bản khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và cũng để nắm bắt cơ hội khi nền kinh tế phục hồi và tăng trưởng chưa mang lại hiệu quả ngay trong năm 2009. Tuy nhiên, qua tình hình khó khăn thực tế nêu trên cũng cho thấy Công ty đã rất cố gắng để vượt qua giai đoạn khó khăn, cụ thể có thể thấy doanh thu thuần tăng trưởng 10% so với thực hiện 2008.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

➤ **Thuận lợi:**

- Thương hiệu SPC của Công ty đã được các đối tác, khách hàng, nông trường và người nông dân biết đến nhờ vào chất lượng sản phẩm ổn định, phù hợp với môi trường, yêu cầu sinh thái của từng vùng, từng loại cây trồng. Công ty luôn coi trọng việc cải tiến sản phẩm lẫn quy cách mẫu mã chất lượng bao bì để cung ứng những sản phẩm phù hợp thói quen sử dụng, tập quán canh tác của từng địa phương và đặc biệt là với giá cả cạnh tranh, hợp lý.
- Đội ngũ CBCNV công ty có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đồng đều, nhiều năm kinh nghiệm trong ngành thuốc nông dược, được đào tạo bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao

chất lượng chuyên môn và tay nghề. Hoạt động tích cực của mạng lưới dịch vụ tư vấn, đội bác sĩ cây trồng đã góp phần tạo thương hiệu và hiệu quả kinh doanh cho toàn công ty.

- Hệ thống chi nhánh của công ty luôn bám sát địa bàn, gắn bó khách hàng, kịp thời thông tin và nắm bắt nhu cầu thị trường để cung ứng hàng hóa, phát triển doanh số và mở rộng mạng lưới phân phối. Tất cả vì mục tiêu thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và cũng để gia tăng doanh số và lợi nhuận công ty.
- Các cơ quan nhà nước hữu quan như Bộ NN& PTNT, Cục BVTV, Cục Khuyến nông, các Chi cục BVTV và Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, thành phố đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Công ty củng cố và mở rộng thị trường.

➤ **Khó khăn:**

- Hoạt động trong lĩnh vực mà nguồn nguyên liệu chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài nên Công ty bị tác động lớn từ tình hình biến động giá cả đầu vào nguyên vật liệu cho sản xuất cũng như đầu ra hàng hóa, sản phẩm cung ứng cho thị trường nông dưc. Về mặt chủ quan, do chưa có kinh nghiệm trải qua thời kỳ khủng hoảng kinh tế, phán đoán dự báo sai tình hình giá cả nhập khẩu nguyên liệu vào đầu năm 2008 nên doanh nghiệp đã dự trữ sản xuất một nhóm sản phẩm (thuốc cỏ) với số lượng và giá cao; khi giá nguyên liệu giảm mạnh làm cho hàng hoá tồn kho giá vốn cao, đồng thời vốn lưu động thiếu hụt buộc doanh nghiệp phải điều chỉnh hạ giá bán hàng dẫn đến kết quả doanh thu và lợi nhuận của vụ Đông Xuân (2008-2009) bị sụt giảm mạnh.
- Từ tháng 6/2008, doanh nghiệp chuyển đổi từ nhà nước 100% sang CTCP cũng là thời điểm xuống dốc của thị trường chứng khoán nên phương án phát hành cổ phiếu để tăng nguồn bổ sung vốn sản xuất kinh doanh cho công ty trở nên rất khó thực hiện. Thêm vào đó ngân hàng tăng lãi suất cho vay, hạn chế mức tín dụng...càng khiến cho tình hình tài chính của công ty hết sức căng thẳng.
- Cũng như các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực nông dưc, kết quả kinh doanh của SPC gắn liền với tình hình thời tiết và sản xuất kinh doanh ngành nông nghiệp. Nhưng ba tháng liên tục vụ Đông Xuân (cuối năm 2008) thời tiết mưa nắng thất thường; Miền Tây Nam bộ nước lũ rút chậm nên vào vụ Đông Xuân rất muộn. Nông sản được mùa nhưng lúa không xuất khẩu được. Miền Bắc và Miền Trung đều bị thiên tai, lũ lụt lớn. Vùng Tây nguyên nổi tiếng về cao su, cà phê rớt giá liên tục. Tất cả sự khó khăn này khiến nông dân cả nước bị thiệt hại nặng nề, không còn sức đầu tư cho sản xuất. Việc kinh doanh của toàn ngành do vậy đình trệ.

Nhiều nguyên nhân bất lợi, chưa kể đến những khó khăn về cạnh tranh thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 6 tháng cuối năm 2008 thật sự chỉ diễn tiến cầm chừng. Doanh thu mua bán bằng 60% so cùng kỳ năm trước. Công ty phải giải quyết chế độ công nhân nghỉ chờ việc, khối văn phòng công ty nhiều bộ phận nghỉ luân phiên, toàn công ty chỉ hưởng lương 70% do tình hình kinh doanh không đảm bảo doanh thu và hiệu quả lợi nhuận.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành

Trong ngành BVTV tại Việt Nam, SPC được xem là một trong những thương hiệu đầu ngành, có bề dày hoạt động trong ngành so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Kinh nghiệm cũng như thương hiệu, chất lượng, uy tín đã được khẳng định trên thị trường.

Hệ thống phân phối của công ty rải đều trên cả nước và đang được mở rộng sang các nước láng giềng (Campuchia, Lào). Sản phẩm của công ty được khách hàng là nông dân cũng như các công ty hàng đầu tin dùng và đánh giá cao. Thêm vào đó, công ty còn sở hữu đội ngũ CBCNV gắn bó lâu năm, có kinh nghiệm và tay nghề cao.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành và xu hướng chung trên thế giới

Ngành nông nghiệp, đặc biệt là ngành BVTV luôn được Nhà nước quan tâm đặc biệt. Định hướng phát triển của ngành nông nghiệp và xu hướng chung của thế giới được thể hiện qua các điểm chính sau đây:

- Nông dươc ngày càng được sử dụng phổ biến trên hầu hết các loại cây trồng. Dự báo tốc độ tăng trưởng của ngành nông dươc sẽ tăng cao hơn trong bối cảnh ngành công nghiệp và dịch vụ đang gặp khó khăn.
- Thị trường kinh doanh được mở rộng khi Việt Nam gia nhập WTO. Xuất khẩu nông nghiệp sẽ tăng mạnh, chất lượng sản phẩm được cải thiện bởi việc xuất khẩu sẽ có chọn lọc. Đây được xem là yếu tố cơ bản của Công ty bởi sản phẩm của Công ty luôn tuân thủ quy trình kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt.
- Ngành nông nghiệp phát triển sẽ giúp cải thiện đời sống nông dân, nâng cao sự hiểu biết và nhận thức của nông dân, cải thiện quá trình canh tác nông nghiệp để tăng năng xuất. Vấn đề này luôn được các cấp nhà nước quan tâm đặc biệt.
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong ngành BVTV giúp cho ngành nông nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Tình hình lao động trong công ty

SPC được thành lập từ năm 1989 với 30 CBCNV, đến nay SPC đã có hơn 600 cán bộ công nhân viên làm việc tại 20 đơn vị trực thuộc trong và ngoài nước. Tình hình lao động trong 3 năm gần đây như sau :

Trình độ lao động	Số lao động (người)			
	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Tổng số lao động	593	606	662	643

Trình độ lao động	Số lao động (người)			
	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
- Lao động từ 3 tháng trở lên	456	573	623	575
- Lao động mùa vụ dưới 3 tháng	137	33	39	68
Trong đó :				
* Trình độ trên đại học	9	8	7	9
* Trình độ đại học	178	194	193	192
* Trình độ Cao đẳng, trung cấp, nghiệp vụ	143	158	162	142
* Công nhân kỹ thuật từ Bạc 4-7	80	78	102	102
* Công nhân lao động phổ thông	183	168	198	198

Nguồn: Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

8.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, thực hiện các chế độ đối với người lao động

➤ Chính sách đào tạo

Liên tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới là cách thức để SPC hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng và đam mê của mình. Do đó CBCNV của SPC luôn cố gắng học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Thông qua học tập, nghiên cứu và phát triển chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Do đó, đào tạo để phát triển là một chính sách rất được coi trọng tại SPC. Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Do đó, mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức, dù bằng hình thức tham gia các khóa học của Công ty tổ chức hay qua các lớp bên ngoài. Đào tạo tại chỗ chiếm một vai trò quan trọng và cũng được tập trung đặc biệt. Phần lớn thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức một kèm một. Khi cần thiết, chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức.

➤ Chính sách tiền lương, thưởng

Chính sách tiền lương, thù lao, phụ cấp của SPC được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của SPC rất cạnh tranh trong ngành BVTV và nằm trong nhóm những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam. Lương và phụ cấp được trả trên căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất

trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được Phòng Tổ chức Nhân sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, chính sách phân phối cổ tức do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Cổ tức năm 2008:

Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn mới chuyển qua hình thức công ty cổ phần và đi vào hoạt động từ ngày 14/06/2008. Do đó, hoạt động kinh doanh của công ty còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh việc chi trả cổ tức 6,5%/năm cho cổ đông hiện hữu, Công ty còn giữ một phần lợi nhuận để tái đầu tư nhằm nâng cao năng lực tài chính và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong tương lai.

Cổ tức năm 2009:

Trong năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty đang dần đạt sự ổn định cần thiết và đã mang lại lợi nhuận. Do vậy, Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 12% và sẽ duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức từ 12%/năm trở lên cho cổ đông trong giai đoạn 2009 – 2011.

10. Tình hình tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

▪ Trích khấu hao TSCĐ

TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng dự tính của tài sản; tỷ lệ khấu hao áp dụng theo Quyết định 206/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa. vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	02 – 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	02 – 08 năm
TSCĐ vô hình	03 – 05 năm

▪ **Mức lương bình quân**

Tiền lương đi liền với hiệu quả hoạt động của từng cá nhân, trong nhiều năm liền SPC luôn giữ mức lương bình quân từ 4,5 triệu đồng/người/tháng đến 5 triệu đồng/người/tháng cho CBCNV.

▪ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ vay đến hạn trong quá trình hoạt động của Công ty.

▪ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn xem việc nộp thuế là nghĩa vụ cần làm của mình. Thuế TNDN, thuế GTGT và các khoản phải nộp cho Nhà nước luôn được Công ty thực hiện nghiêm túc. Tổng số các khoản phải nộp qua các năm như sau:

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	14/06/2008	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Thuế GTGT	11.117	6.115	3.165	3.712
Thuế nhập khẩu	4.647	1.486	4.275	237
Thuế TNDN	0	960	1.982	1.910
Thuế thu nhập cá nhân	211	4.604	589	1.271
Tổng	15.975	13.165	10.011	7.130

Nguồn :

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/08 đến 14/06/08
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 14/06/08 đến 31/12/08
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009
- Báo cáo tài chính Quý 1/2010

▪ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên. Số dư các quỹ qua các năm như sau :

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 01/01/2008 đến 14/06/2008	Giai đoạn từ 14/06/2008 đến 31/12/2008	Năm 2009	31/03/2010
Quỹ dự phòng tài chính	9.400	343	343	967
Quỹ đầu tư phát triển	18.409	343	3.216	3.840
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.525	1.396	4.642	3.169
Tổng	35.334	2.082	8.201	7.976

Nguồn :

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/2008 đến 14/06/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 14/06/2008 đến 31/12/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009
- Báo cáo tài chính Quý 1/2010

Do Công ty chuyển sang mô hình Công ty Cổ Phần từ ngày 14/06/2008 nên toàn bộ số dư Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển tính đến 14/06/2008 đã được chuyển trả cho Nhà nước. Từ ngày 15/06/2008 trở đi, Công ty trích quỹ theo đúng điều lệ Công ty Cổ phần đã qui định.

▪ **Tổng dư nợ vay đến thời điểm 31/03/2010**

Vay và nợ ngắn hạn

Stt	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)	Mục đích
1	Vay CBCNV	606	Phục vụ sản xuất kinh doanh
2	Vay ngân sách	373	Phục vụ sản xuất kinh doanh
3	Sở tài chính	5.000	Thanh toán tiền thuê đất di dời xưởng sản xuất về KCN Hiệp Phước
4	Vay Ngân hàng NN&PTNT	94.945	Thanh toán L/C. mua nguyên vật liệu
5	Vay Ngân hàng HSBC	4.765	Mua nguyên vật liệu

Nguồn: Báo cáo tài chính Quý 1/2010

Vay và nợ dài hạn

Stt	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)	Mục đích
1	Vay Ngân hàng NN&PTNT	753	Đầu tư tài sản cố định
2	Quỹ đầu tư	9.351	Đầu tư máy móc thiết bị, xây lắp dự án Hiệp Phước.

Nguồn: Báo cáo tài chính Quý 1/2010

SPC luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay, tạo được uy tín trong thanh toán các hợp đồng tín dụng. Đây cũng là một lợi thế cạnh tranh không nhỏ của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh.

▪ **Tình hình công nợ hiện nay**

Các khoản phải thu

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	14/06/2008		31/12/2008		31/12/2009		31/03/2010	
	Giá trị	%/ TS	Giá trị	%/ TS	Giá trị	%/ TS	Giá trị	%/ TS
Phải thu của khách hàng	141.085	24,60	79.130	16,30	140.576	29,90	170.760	29,10
Trả trước cho người bán	5.794	1,00	4.360	0,90	3.013	0,60	5.268	0,90
Các khoản phải thu khác	687	0,10	9.359	1,90	12.902	2,70	11.128	1,90
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	(1.889)		(871)		(871)	
Tổng	147.566	25,70	90.960	18,80	155.620	33,10	186.285	31,90

Các khoản phải trả

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 01/01/2008 đến 14/06/2008		Giai đoạn từ 14/06/2008 đến 31/12/2008		Năm 2009		Quý I/2010	
	Giá trị	%/TS	Giá trị	%/TS	Giá trị	%/TS	Giá trị	%/TS
Nợ ngắn hạn	446.847	77,90	368.900	76,20	349.561	74,3	474.467	80,90
- Vay và nợ ngắn hạn	108.791	18,90	134.939	27,90	93.953	20,00	106.521	18,20
- Phải trả cho người bán	238.232	41,50	155.797	32,20	199.423	42,40	299.887	51,10
- Người mua trả tiền trước	8.209	1,40	110	00	1.897	0,40	30.957	5,30
- Thuế và các khoản phải nộp NN	17.267	3,00	8.434	1,70	8.563	1,80	7.131	1,20
- Phải trả người lao động	2.548	0,40	3.904	0,80	7.669	1,60	2.979	0,50
- Chi phí phải trả	283	0,50	3.100	0,60	3.723	0,80	12.069	2,10
- Phải trả, phải nộp khác	71.517	12,50	62.616	12,09	34.333	7,30	14.924	2,50
Nợ dài hạn	38.500	6,70	31.779	6,60	27.072	5,70	24.192	4,10
- Phải trả dài hạn người bán	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải trả dài hạn khác	8.347	1,40	8.537	1,70	14.309	3,00	14.089	2,40
- Vay và nợ dài hạn	27.073	4,70	23.242	4,80	12.763	2,70	10.104	1,70
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	3.080	0,50	-	-	-	-	-	-
Tổng	485.347	84,60	400.679	82,80	376.633	80,00	474.467	85,00

Nguồn :

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/2008 đến 14/06/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 14/06/2008 đến 31/12/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009
- Báo cáo tài chính Quý 1/2010

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	1,06	1,04
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	lần	0,32	0,51
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	82,80	80,00
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	481,29	399,89
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	lần	2,49	2,68
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	1,49	1,67
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,20	1,96
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	36,29	17,34
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,24	3,28
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4,33	1,80

Nguồn :

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/2008 đến 14/06/2008
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 14/06/2008 đến 31/12/2008
- Báo cáo tài chính chính đã kiểm toán năm 2009
- Báo cáo tài chính Quý 1/2010

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**11.1 Hội đồng quản trị****11.1.1 Ông Trương Huy Hoàng Tam Dũng**

- Họ và tên : TRƯƠNG HUY HOÀNG TAM DŨNG
- Chức vụ tại công ty : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, Phó Bí thư Chi bộ
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 04/09/1960
- Nơi sinh : Đồng Nai
- Số CMND : 020893346 ngày cấp : 21/05/2004 nơi cấp : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Đồng Nai
- Địa chỉ thường trú : 91 Hồ Bá Kiện – P.15 – Q.10
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác :
 - 1977-1993 : Cán bộ Sở Nông Nghiệp TP,HCM
 - 1993-1996 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
 - 1996-1999 : Phó Giám Đốc Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
 - 1999-2004 : Giám Đốc Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
 - 2004 – 06/2008: Chủ tịch kiêm Giám Đốc Cty TNHH 1 TV Bảo vệ thực vật Sài Gòn
 - 06/2008 – nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc SPC
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 81.000 cổ phần
 - Đại diện : 1.205.400 cổ phần (đại diện cho Cổ đông TCT Nông nghiệp Sài Gòn)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan :
 - + Vợ : Nguyễn Thị Hương : 38.100 cổ phần
 - + Con ruột : Trương Phương Mai : 42.100 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

11.1.2 Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH
- Chức vụ tại công ty : Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc thường trực
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 09/03/1962
- Nơi sinh : Phan Thiết
- Số CMND : 023180867 ngày cấp : 26/09/2008 nơi cấp : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phan Thiết
- Địa chỉ thường trú : 333/32 Đinh Bộ Lĩnh – P.26 – Q.Bình Thạnh

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Nông nghiệp, Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác :
 - 1984-1992 : Kế toán trưởng Chi cục bảo vệ thực vật - Sở Nông Nghiệp
 - 1992-2004 : Kế toán trưởng Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
 - 2004-2005 : Kế toán trưởng Công ty TNHH 1 TV Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
 - 2005 –T06/08 : Phó Giám Đốc Công ty TNHH 1 TV Bảo vệ thực vật Sài Gòn
 - T6/08 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Giám Đốc SPC
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 16.300 cổ phần
 - Đại diện : 1.200.000 cổ phần (đại diện cho Cổ đông TCT nông nghiệp Sài Gòn)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

11.1.3 Ông Hà Quốc Cường

- Họ và tên : HÀ QUỐC CƯỜNG
- Chức vụ tại công ty : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Xí nghiệp BVTV Sài Gòn, Bí thư Chi bộ
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25/09/1962
- Nơi sinh : Cần Thơ
- Số CMND : 020490533 ngày cấp : 18/08/2008 nơi cấp : CA TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú : 40/60/26/4 Nguyễn Khoái – P.2 – Q.4 – TP.HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Chính trị, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, Chứng chỉ Giám đốc chất lượng
- Quá trình công tác :
 - 1987-1991 : Kỹ sư nhà máy Đay Sài Gòn
 - 1991-1993 : Kỹ sư Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn
 - 1993-1994 : Trưởng phòng Kỹ thuật, Chủ tịch công đoàn Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn

- 1994-2001 : Quản Đốc phân xưởng Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
- 2001-2002 : Trưởng xưởng sản xuất, Bí thư Chi bộ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
- 2002-2004 : Trưởng ban quản lý dự án Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
- 2004-2007 : Trưởng Phòng Cơ điện-môi trường, Bí thư Chi bộ Công ty TNHH 01 TV Bảo vệ thực vật Sài Gòn
- 2007 - 06/2008: Giám Đốc Xí nghiệp BVTV Sài Gòn, Bí thư Chi bộ
- 06/2008 – nay : Ủy viên HĐQT, Giám Đốc Xí nghiệp BVTV Sài Gòn, Bí thư Đảng bộ
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 4.700 cổ phần
 - Đại diện : 1.200.000 cổ phần (đại diện cho Cổ đông TCT nông nghiệp Sài Gòn)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

11.1.4 Bà Vũ Thị Tuyết Cẩm

- Họ và tên : VŨ THỊ TUYẾT CẨM
- Chức vụ tại công ty : Thành viên Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 12/07/1962
- Nơi sinh : Sài Gòn
- Số CMND : 020264986 ngày cấp : 22/11/2007 nơi cấp : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 33/9 Điện Biên Phủ - P.15 – Bình Thạnh – TP.HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tín dụng
- Quá trình công tác :
 - 1984-1988 : Nhân viên Ngân hàng Công thương TP.HCM
 - 1988-2004 : Nhân viên Ngân hàng Nông Nghiệp TP.HCM
 - 2004 –06/2008 : Phó phòng Tín dụng Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh TP.HCM
 - 06/2008 – nay : Phó phòng Tín dụng Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh TP.HCM - Ủy viên HĐQT SPC

- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 2.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

11.1.5 Ông Phan Văn Sang

- Họ và tên : PHAN VĂN SANG
- Chức vụ tại công ty : Ủy viên Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06/01/1962
- Nơi sinh : An Giang
- Số CMND : 350336889 ngày cấp : 06/04/2002 nơi cấp : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : Ấp Thượng 2 – Thi Phú Mỹ - Huyện Phú Tân – Tỉnh An Giang
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp xét nghiệm
- Quá trình công tác :
 - Từ 1983 – 1989 : công tác tại Bệnh viện Đa khoa Phú Tân – An Giang.
 - Từ 1990 – nay : chủ cửa hàng kinh doanh thuốc BVTV – đại lý của SPC
 - 06/2008 – nay : Ủy Viên HĐQT SPC
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 98.400 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

11.2 Ban Giám đốc**11.2.1 Ông Trương Huy Hoàng Tam Dũng – Giám đốc** (xem 11,1,1)**11.2.2 Ông Nguyễn Thị Hồng Ánh – Phó Giám đốc** (xem 11,1,2)**11.2.3 Ông Yeo Joo Hua**

- Họ và tên : YEO JOO HUA
- Chức vụ tại công ty : Phó Giám đốc Kinh doanh nước ngoài,
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 22/10/1961
- Nơi sinh : Singapore
- Số CMND (Hộ chiếu) : S1471428F ngày cấp : 02/02/2005 nơi cấp : Singapore
- Quốc tịch : Singapore
- Quê quán : Singapore
- Địa chỉ thường trú : 225/12/2 Nguyễn Đình Chiểu, P5, Quận 3 – TP,HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :
 - 06/2000 – 12/2000 : Chuyên viên Công ty Thuốc trừ sâu Saigon,
 - 12/2000 – 01/2003 : Trợ lý Giám đốc Công ty Thuốc trừ sâu Saigon
 - 01/2003 – 07/2004 : Trưởng phòng Kinh doanh Cty Thuốc trừ sâu Saigon
 - 07/2004 – 11/2004 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
 - 11/2004 – 06/2008 : Phó Giám đốc kiêm trưởng Phòng Kinh doanh – Công ty TNHH Một thành viên BVTV Saigon,
 - 06/2008 – 09/2009 : Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh SPC
 - 09/2009 – nay : Phó Giám đốc Kinh doanh nước ngoài SPC
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 78.800 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

11.2.4 Ông Nguyễn Xuân Tiến

- Họ và tên : NGUYỄN XUÂN TIẾN
- Chức vụ tại công ty : Phó Giám đốc Đầu tư
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/09/1956
- Nơi sinh : TP.HCM
- Số CMND : 021276553 ngày cấp : 11/07/2002 nơi cấp : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : 354/89/42 Phan Văn Trị, phường 11, Bình Thạnh – TP.HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật - Cử nhân Hành chính
- Quá trình công tác :
 - 1976 – 1978 : Thanh niên xung phong
 - 1978 – 1989 : Cán bộ Sở Nông nghiệp – TP.HCM
 - 1989 – 1993 : Tổ trưởng Tổ chức hành chính Nhà máy thuốc trừ sâu Saigon
 - 1993 – 1999 : Phó Phòng Tổ chức hành chính Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Saigon
 - 1999 – 06/2008: Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH Một thành viên BVTV Saigon
 - 07/2008 – 08/2009 : Phó Giám đốc Đầu tư kiêm trưởng phòng Đầu tư SPC
 - 09/2009 – nay : Phó Giám đốc Đầu tư SPC
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 12.100 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan :
 - + Vợ : Trần Thị Thu Hiền : 2.400 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

11.2.5 Ông Nguyễn Quốc Dũng

- Họ và tên : NGUYỄN QUỐC DŨNG
- Chức vụ tại công ty : Phó Giám đốc kinh doanh trong nước

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 18/11/1967
- Nơi sinh : Sài Gòn
- Số CMND : 021572919 ngày cấp : 20/01/1999 nơi cấp : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Trạch - Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú : 339/40 Lê Văn Sỹ - Phường 13 Quận 3 TP.HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân luật
- Quá trình công tác :
 - 1993 – 2000 : Nhân viên Kinh doanh Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn
 - 2001 - 06/2002 : Phó Trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
 - 07/2002 - 09/2003 : Quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
 - 09/2003 - 07/2004 : Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
 - 08/2004 - 09/2005 : Phó Phòng Marketing Cty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
 - 10/2005 - 08/2007 : Phó Phòng Kinh doanh Cty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
 - 08/2007 - 06/2008 : Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
 - 06/2008 - 10/2008 : Phó Phòng Kế hoạch - kinh doanh CTCP Bảo vệ thực vật Sài Gòn
 - 10/2008 - 8/2009 : Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh CTCP Bảo vệ thực vật Sài Gòn
 - 09/2009 – nay : Phó Giám đốc Kinh doanh trong nước
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 7.300 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

11.3 Ban kiểm soát**11.3.1 Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh**

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ HỒNG OANH
- Chức vụ tại công ty : Trưởng Ban Kiểm soát
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 19/08/1961
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Số CMND : 021974590 ngày cấp : 24/10/2007 nơi cấp : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 69/20 Nguyễn Trãi – P2 – Q5 – TP.HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác :
 - 1985-1987 : Kế toán viên Xí nghiệp Liên hợp Thủy sản Tiền Giang
 - 1988-1997 : Kế toán Công ty xây lắp Thủy sản 3
 - 1998-2002 : Kế toán viên Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn
 - 2003-2006 : Kế toán trưởng Công ty Dịch vụ Nông nghiệp Sài Gòn
 - 2007 – 06/2008 : Phó phòng kế toán TCT Nông Nghiệp Sài Gòn
 - 06/2008 – nay : Phó phòng kế toán TCT Nông Nghiệp Sài Gòn - Trưởng BKS SPC
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 0 cổ phần
 - Đại diện : 1.200.000 cổ phần (đại diện cho Cổ đông TCT nông nghiệp Sài Gòn)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

11.3.2 Bà Mai Thị Lệ Khuyên

- Họ và tên : MAI THỊ LỆ KHUYÊN
- Chức vụ tại công ty : Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, Ủy viên BKS

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 04/05/1968
- Nơi sinh : Hưng Yên
- Số CMND : 024638721 ngày cấp : 28/11/2006 nơi cấp : CA TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : C2/10 Đường 51 – P.Tân Quy – Q7 – TP.HCM
- Điện thoại di động : 0909269094
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán, Chứng chỉ Kế toán trưởng
- Quá trình công tác :
 - 1986-1988 : NV Kế toán Thống kê Công ty xây dựng thủy điện Trị An
 - 1989-1991 : NV Kế toán Công ty thủy sản KV3
 - 1992-1995 : NV hành chính Công ty Vật phẩm văn hóa TP.HCM
 - 1996-2004 : NV Thủ kho, Thủ quỹ, Kế toán Công ty Vật phẩm văn hóa TP.HCM
 - 2004 – 06/2008 : NV tổng hợp, Phòng Quảng bá – Thương hiệu Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
 - 06/2008 – 09/2009 : Nhân viên Tổng hợp Phòng Quảng bá – Thương hiệu - Ủy viên BKS SPC
 - 10/2009 – nay : Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Ủy viên BKS SPC
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 2.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

11.3.3 Bà Nguyễn Thị Tố Trinh

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ TỐ TRINH
- Chức vụ tại công ty : Trưởng bộ phận tài chính – Ủy viên BKS

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 23/05/1974
- Nơi sinh : Hà Nam
- Số CMND : 023031130 ngày cấp : 28/07/1992 nơi cấp : CA TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nam
- Địa chỉ thường trú : 183/32 Bùi Viện – P,Phạm Ngũ Lão – Q1 – TP,HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài Chính Doanh nghiệp, Cử nhân Hóa hữu cơ
- Quá trình công tác :
 - 1998 – 2000 : Kế toán Công ty TNHH Thương Tín
 - 2000 – 2004 : Kế toán Công ty Thuốc trừ sâu Sài gòn
 - 2004 – 07/2007 : NV tài chính Công ty TNHH 1 TV Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn
 - 08/2007 - 06/2008 : Phó phòng QLNN Công ty TNHH 1 TV BVTV Sài Gòn
 - 06/2008 - 02/2009 : NV Phòng Đầu tư - Ủy viên BKS SPC
 - 02/2009 - 09/2009 : Phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ – Ủy viên BKS SPC
 - 10/2009 - nay : Trưởng bộ phận tài chính – Ủy viên BKS SPC
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 500 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan :
 - Chồng : Nguyễn Xuân Tâm : 1.200 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

11.4 Kế toán trưởng

- Họ và tên : ĐIỀU QUANG TRUNG
- Chức vụ tại công ty : Kế toán trưởng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 11/10/1978
- Nơi sinh : Tiền Giang

- Số CMND : 311493781 ngày cấp : 2/1/2004 nơi cấp : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Long Bình, H, Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 50/15 Đường 79, P.Tân Qui, Quận 7, TP.HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
 - 2000 – 2003 : Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Thủy Tinh Gò Vấp
 - 2003 – 2004 : Phó phòng Tư vấn triển khai Công ty TNHH Tin Học Định Gia (Diginet)
 - 2004 – 2006 : Kế toán Công ty TNHH 1 TV BVTV Sài Gòn
 - 2006 – 06/2008 : Kế toán tổng hợp Công ty TNHH 1TV BVTV Sài Gòn
 - 06/2008 – 03/2009: Trưởng bộ phận kế toán SPC
 - 04/2009 đến nay : Kế toán trưởng SPC
- Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến 24/11/2009) :
 - Sở hữu : 1100 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không
- Các khoản nợ đối với Công ty : không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định của Công ty theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2010

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	30.014.719.701	18.263.489.756	60,85%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	26.889.291.904	8.260.683.819	30.72%
3	Tài sản hữu hình khác	43.284.567.606	21.946.589.637	50,47%
4	Tàn sản cố định vô hình	22.027.144.525	20.301.683.343	92,17%
	Tổng cộng	122.215.723.736	68.772.446.555	56.27%

Nguồn : Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Trong đó diện tích đất đang sử dụng đến 31/03/2010:

STT	Địa điểm sử dụng đất	Diện tích (m2)	Ghi chú
1	Đất tại VP Công ty, đường Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM	8.022	Thuê nhà nước
2	Đất tại Xí Nghiệp Hiệp Phước, Lô C1-C3, Khu CN Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM	42.123	Thuê 47 năm
3	Đất tại Trạm DV, 22E Phan Đăng Lưu, P6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	325	Thuê nhà nước
4	Đất tại Nông Trại Hoa Dasa, Lạc Dương, Lâm Đồng	329,000	Thuê 20 năm
5	Đất tại Chi nhánh Đà Nẵng, Quốc lộ 1, Xã Hòa Châu, H.Hòa Vang, TP.Đà Nẵng	600	Chuyển nhượng QSDĐ
6	Đất tại Chi nhánh Gia Lai, đường Trường Chinh, P.Trà Bá, TP.Pleiku, Gia Lai	10,690	Thuê 52 năm
7	Đất tại Chi nhánh Cần Thơ, Lô 30A5, KCN Trà Nóc 1, TP.Cần Thơ	3,640	Thuê 39 năm
8	Đất tại Siêu Thị NN Kiên Giang, 177 đường CMT8, TP, Rạch Giá, Kiên Giang	7,160	Thuê 50 năm
9	Đất tại Ấp 2, Xã Mỹ Hiệp, Cao Lãnh, Đồng Tháp	1,781	Chuyển nhượng QSDĐ

Nguồn: Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

13. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2010 – 2012

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	%Tăng giảm 2010/2009	Năm 2011	%Tăng giảm 2011/2010	Năm 2012	%Tăng giảm 2012/2011
Vốn chủ sở hữu	120.000	34,02	130.000	8,33	138.000	6,15
Vốn điều lệ	105.300	30,00	105.300	-	105.300	-
Doanh thu thuần	856.000	8,77	916.000	7,01	989.000	7,97
Lợi nhuận trước thuế	30.000	71,97	32.100	7,00	34.668	8,00
Lợi nhuận sau thuế	26.250	69,77	28.087	7,00	26.001	(7,43)
Tỷ lệ LNST /doanh thu	3,07 %	1,10	3,07 %	-	2,63 %	(0,44)
Tỷ lệ LNST /vốn điều lệ	24,93 %	5,84	26,67%	1,74	24,69 %	(1,98)
Tỷ lệ LNST /vốn chủ sở hữu	21,88 %	4,61	21,61 %	(0,27)	18,84 %	(2,76)
Tỷ lệ cổ tức/năm	12 %	-	13 %	1,00	14 %	1,00
Cổ tức (đồng/cp/năm)	1.200	-	1.300	100	1.400	100

Nguồn: Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Cơ sở thực hiện kế hoạch 03 năm 2010 – 2012

Đơn vị tính : triệu đồng

Doanh thu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Hoạt động sản xuất	683.500	741.000	789.000
Hoạt động kinh doanh	169.500	170.000	193.000
Hoạt động khác	3.000	5.000	7.000
Tổng cộng	856.000	916.000	989.000

Nguồn: Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

➤ **Chuỗi siêu thị nông nghiệp**

Sản phẩm của công ty đã và đang đáp ứng một phần lớn nhu cầu thuốc bảo vệ thực vật trong nước và xuất khẩu. Thông qua mạng lưới cung cấp các sản phẩm kinh doanh của công ty ngày càng được khẳng định được với thị trường về chất lượng tốt, hiệu quả kinh tế cao, đa dạng về sản phẩm, thuận tiện khi sử dụng, các chế độ hậu mãi tốt. Do đó người sử dụng đã tin nhiệm và sử dụng rộng rãi, đồng thời đáp ứng được các tiêu chuẩn về bảo vệ sức khỏe và môi trường. Hiện nay sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật của công ty với logo SPC đã được thị trường thuốc nông dược trong nước công nhận là sản phẩm đạt chất lượng với nhiều năm liền đạt chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao.

Cùng với sự phát triển chung của cả nước, ngành nông nghiệp trong nước những năm qua cũng phát triển rất nhanh và mạnh mẽ. Nước ta đã gia nhập AFTA và WTO nên đã thúc đẩy hệ thống doanh nghiệp trong cả nước phải chạy đua đón đầu, hòa nhập với khu vực và thế giới. Sự cạnh tranh gắt gao đã buộc các doanh nghiệp phải cùng nhau chia sẻ thị phần và áp lực từ các doanh nghiệp mới hình thành với công nghệ mới hơn và hệ thống quản lý tốt, nhất là các công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Do đó Công ty xác định mục tiêu chiếm lĩnh thị phần là quan trọng nên tập trung xây dựng hệ thống bán lẻ thông qua việc hình thành các siêu thị nông nghiệp và các cửa hàng đặc thù của SPC

• **Mục đích của dự án**

- Nhằm đưa sản phẩm chất lượng đến những nơi hệ thống phân phối hiện tại chưa phủ tới.
- Tư vấn cho bà con nông dân về kỹ thuật trồng trọt, kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cũng như các sản phẩm khác của công ty đang phân phối trên thị trường.
- Nhằm mở rộng và ngày một hoàn thiện hơn hệ thống phân phối, đưa sản phẩm của SPC đến tay người tiêu dùng kịp thời.
- Nắm bắt thị trường một cách nhanh chóng, kịp thời, phân phối hàng hóa trực tiếp đến tay người nông dân.
- Là một thị trường tiềm năng, việc đầu tư các Siêu thị Nông nghiệp và các cửa hàng sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao cho công ty thông qua việc chiếm lĩnh thị trường, mở rộng

ngành nghề kinh doanh, giúp người nông dân tiếp cận được với các sản phẩm chính hiệu mà không phải qua trung gian.

- **Hệ thống siêu thị, cửa hàng**

Hiện nay công ty đã xây dựng và đi vào hoạt động các siêu thị nông nghiệp tại các tỉnh như sau :

- Siêu thị nông nghiệp Gia Lai – tại TP Pleiku, Gia Lai
- Siêu thị nông nghiệp Đức Trọng – tại tỉnh Lâm Đồng
- Siêu thị nông nghiệp Khánh Hòa – tại tỉnh Khánh Hòa
- Siêu thị nông nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu – tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Ngoài ra Công ty cũng đang triển khai xây dựng các dự án bán lẻ sau :

- Siêu thị Nông nghiệp tại Kiên Giang – tại TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Xây dựng các cửa hàng bán lẻ chuyên nghiệp tại các tỉnh : Bình Phước, Sóc Trăng, Hậu Giang, Đaknong, Tiền Giang, Tân An, Điện Biên, An Giang, Bạc Liêu,...

Hệ thống siêu thị cung cấp tất cả các sản phẩm thuốc BVTV do Công ty sản xuất, phân bón, giống cây trồng, thiết bị dụng cụ dùng trong ngành nông nghiệp. Đồng thời làm đại lý phân phối cho các đơn vị cung cấp các dụng cụ vật tư nông nghiệp nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng hầu hết nhu cầu của nông dân phục vụ cho sản xuất nông nghiệp .

➤ **Dự án đầu tư Nhà máy Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (Giai đoạn 2)**

- **Mục đích của dự án**

Nhằm di dời các nhà máy sản xuất ra khỏi khu vực dân cư và tập trung về các khu quy hoạch, khu công nghiệp, CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã đăng ký thuê đất ổn định lâu dài tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước – Nhà Bè để thực hiện đầu tư xây dựng mới toàn bộ nhà xưởng kho nhằm tiếp nhận cơ sở sản xuất di dời về.

Ngoài ra, theo định hướng chiến lược của công ty, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty cần đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất mới, tự động hóa các khâu quá trình sản xuất, đổi mới công nghệ sản xuất và thay thế hàng hóa sản phẩm nhập khẩu bằng hàng sản xuất trong nước.

- **Tổng mức đầu tư của dự án**

Stt	Hạng mục	Giá trị (triệu đồng)
1	Xây lắp	35.138
2	Máy móc, thiết bị	12.593
3	Chi phí khác (thiết kế, lãi vay)	11.134

Stt	Hạng mục	Giá trị (triệu đồng)
5	Chi phí dự phòng	4.738
	Tổng cộng	63.604

Tổng mức đầu tư của dự án Nhà máy sản xuất thuốc Bảo vệ Thực vật tại KCN Hiệp Phước là 63,6 tỷ đồng. Trong đó chi phí xây lắp nhà máy và mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất là chủ yếu, tương ứng 47,7 tỷ đồng, phần chi phí còn lại chi phí thiết kế và lãi vay của dự án.

- **Hiệu quả đầu tư**

Chỉ tiêu	Quan điểm tổng đầu tư	Quan điểm chủ sở hữu
Tỷ suất chiết khấu (%)	12,9	15
NPV (triệu đồng)	119.559	66.735
IRR (%)	28	26
PP (năm)	9	9

Dự án Nhà máy BVTV có hiệu quả cao tính trên cả quan điểm tổng đầu tư cũng như quan điểm chủ sở hữu với IRR lần lượt là 28% và 26%. Dự án có thời gian hoàn vốn là 9 năm.

Đây là dự án trọng tâm trong chiến lược phát triển của Công ty. Do vậy, có thể nói hiệu quả của dự án này không mang tính độc lập mà hoàn toàn gắn kết với hiệu quả hoạt động kinh doanh của toàn Công ty. Hiện nay việc đầu tư dự án này đang triển khai, sau khi hoàn công và đưa vào sản xuất sẽ tăng năng lực sản xuất cho công ty. Qua đó giảm chi phí giá vốn đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của SPC.

➤ **Dự án trại Hoa Dasar (Lâm Đồng)**

- **Mục đích của dự án**

Nhu cầu hoa hồng cắt cành trên thế giới có xu hướng gia tăng theo phát triển của đời sống và văn hóa; giá tiêu thụ hoa hồng cắt cành thay đổi tùy theo thời điểm trong năm nhưng nhìn chung là đang có xu hướng tăng với tốc độ tăng trưởng bình quân 5-6%/năm, trong đó lượng hoa cắt cành xuất khẩu chiếm khoảng 25-30% sản lượng.

Theo Gerado Mecurio, Việt Nam có diện tích trồng hoa hồng ước đạt 700 ha, đứng thứ 10 trên thế giới về diện tích nhưng đa số diện tích trồng ngoài trời và trên đất, kỹ thuật lạc hậu và năng suất thấp, chủ yếu phục vụ thị trường nội địa. Một số ít công ty nước ngoài như Dalat Hasfarm sản xuất hoa hồng cắt cành chất lượng cao xuất khẩu đi các nước châu Á nhưng chiếm thị phần rất nhỏ.

Trong bối cảnh sản xuất và thị trường của hoa á nhiệt đới, ôn đới vẫn còn rất nhiều tiềm năng phát triển mạnh trong tương lai; kết hợp với các điều kiện của tỉnh Lâm Đồng cũng như năng lực và kinh nghiệm của mình trong lĩnh vực nông nghiệp, SPC đã mạnh dạn xúc tiến đầu tư xây dựng trại sản xuất hoa công nghệ cao tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Dasar với sản

phẩm chủ lực là hoa hồng phục vụ thị trường trung cao cấp và xuất khẩu trên cơ sở ứng dụng các công nghệ tiên tiến hiện đại nhằm đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- **Tổng mức đầu tư của dự án**

Tổng diện tích của dự án là 19,15 ha với tổng nhu cầu vốn đầu tư cơ sở hạ tầng dự kiến là 60,6 tỷ đồng. Trong đó chi phí xây dựng cơ bản chiếm khoảng 64%, chi phí mua sắm máy móc thiết bị chiếm 26%.

- **Hiệu quả đầu tư**

Dự án có vòng đời là 15 năm và thời gian hoàn vốn là 9,7 năm. Hiệu quả qua các năm như sau:

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 10	Năm 15
Doanh thu	1.857	10.253	17.995	20.956	27.622	34.805	56.492
Chi phí	1.422	4.139	7.311	8.868	10.859	14.199	21.610
Khấu hao	872	2.520	4.415	4.415	4.415	4.415	4.415
Lãi vay	919	2.366	3.211	3.781	3.651	1.244	537
LNTT	(1.357)	1.228	3.058	3.892	8.696	14.947	29.930
LNST	(1.357)	1.228	3.058	23.347	7.479	10.762	21.550

Hiệu quả kinh tế thể hiện qua chỉ số NPV và IRR như sau:

Chỉ tiêu	10 năm	15 năm
NPV (triệu đồng)	14.000	35.000
IRR (%)	29,70	35,80

Các chỉ số này cho thấy hiệu quả kinh tế của dự án ở mức khá cao mặc dù dự án phải đầu tư nhiều kinh phí cho công tác xây dựng cơ bản cạnh tranh công nghệ cao.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với vai trò là một tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu và phân tích cùng với những dự báo về ngành cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn. Tốc độ phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua khá cao và ổn định. Mặc dù khủng hoảng kinh tế thế giới vào năm 2008 và đầu năm 2009 vừa qua đã gây tổn thất nặng nề trên mọi lĩnh vực, nhưng với những chính sách của chính phủ, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vẫn đạt mức cao. Dự báo của các tổ chức kinh tế thế giới cho rằng Việt Nam sẽ tiếp tục đạt được những thành công lớn khi kinh tế phục hồi và tăng trưởng trở lại trong những năm tiếp theo. Vấn đề được chính phủ quan tâm trong giai đoạn này là kích thích kinh tế để nhanh chóng lấy lại tốc độ tăng trưởng cao. Mặt khác Việt Nam phải

giữ được sự phát triển một cách đồng bộ để tránh mất cân bằng gây lãng phí các nguồn lực. Nói đến vấn đề này để thấy hiện nay nền kinh tế Việt Nam phát triển mạnh nhưng có sự mất cân đối giữa các ngành nghề, trong đó là ngành nông nghiệp luôn là được sự quan tâm đặc biệt trong giai đoạn hiện nay.

Nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà công ty đề ra trong giai đoạn 2010 – 2012 là hoàn toàn khả thi. Qua đó kế hoạch chi trả cổ tức và mục tiêu tái đầu tư phát triển công ty được đảm bảo.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, đăng ký giao dịch, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- 1. Loại cổ phiếu : cổ phiếu phổ thông
- 2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- 3. Tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch : 8.100.000 cổ phiếu

4. Phương pháp tính giá

Phương pháp tính giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009:

Chỉ tiêu	ĐVT: đồng
Vốn chủ sở hữu 31/12/2009	89.541.839.378
Vốn cổ phần hiện tại	81.000.000.000
Mệnh giá một cổ phần	10.000
Số cổ phần hiện hành (cổ phần)	8.100.000
Giá trị sổ sách/cổ phần (đã làm tròn)	11.055

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn, tỷ lệ tham gia góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài ở Công ty tối đa là 49% vốn điều lệ. Thời điểm hiện tại, tỷ lệ tham gia nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%.

6. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Theo Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn, nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 03 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- Tại thời điểm 24/11/2009, số lượng nhà đầu tư chiến lược là 32 người, số lượng cổ phiếu của cổ đông chiến lược chuyển nhượng có điều kiện tại công ty là 886.200 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,94 % trên tổng số lượng cổ phần hiện hành.

7. Các loại thuế có liên quan

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với các hoạt động kinh doanh của công ty là 25%.
- Theo thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế GTGT và thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam:
 - ✓ Các tổ chức, cá nhân đầu tư được miễn thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ cổ tức được nhận.
 - ✓ Các cá nhân đầu tư sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ việc đầu tư vào cổ phần của doanh nghiệp niêm yết.
 - ✓ Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết.
 - ✓ Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT (VDSC)

Địa chỉ: Tầng 1 – 2 – 3 – 4 Toà nhà VietDragon, 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM

ĐT: (84.8) 6299 2006

- Fax : (84.8) 6291 7986

Website: www.vdsc.com.vn

- Email: vdsc@vdsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC (AISC)

Trụ sở: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp.HCM

ĐT: (84.8) 3930 5163

- Fax: (84.8) 3930 4281

Website: www.aisc.com.vn

- Email: aisc@aisc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009. Báo cáo tài chính Quý 01 năm 2009 của Công ty

CHỮ KÝ

Tp.HCM. ngày 12 tháng 05 năm 2010

Đại diện Tổ chức đăng ký giao dịch

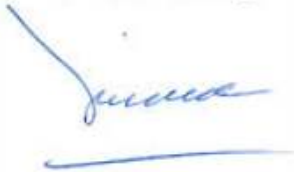
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Phó Giám đốc



NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH

Kế Toán trưởng



ĐIỀU QUANG TRUNG



TRƯƠNG HUY HOÀNG TAM DŨNG

Trưởng Ban kiểm soát



NGUYỄN THỊ HỒNG OANH

Đại diện Tổ chức cam kết hỗ trợ

Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN MINH NHỰT